

Số: 12/2010/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 09 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT
**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách
tỉnh Cà Mau năm 2011**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 18
(Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 12 năm 2010)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 14/11/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2011 và Báo cáo thẩm tra số 07/BC-KTNS ngày 04/12/2010 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khoá VII, kỳ họp thứ 18 đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2011 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu và nguyên tắc phân bổ:

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách là căn cứ tạo nguồn để xây dựng dự toán và phân bổ tổng mức kinh phí cho từng cấp ngân sách và các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Định mức chi thường xuyên đảm bảo nguyên tắc cân đối ngân sách địa phương; đảm bảo tính công bằng, hợp lý và công khai minh bạch trong phân bổ ngân sách. Phân bổ chi ngân sách địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cấp chính quyền; đảm bảo tính chủ động cho các ngành, các cấp trong điều hành và khai thác các nguồn lực cho quá trình phát triển.

- Đối với các huyện, thành phố khi áp dụng định mức này mà tổng dự toán chi thường xuyên thấp hơn mức dự toán do UBND tỉnh giao năm 2010 thì sẽ được bổ sung để không thấp hơn.

- Định mức phân bổ chi ngân sách trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của định mức phân bổ thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách mới ban hành và đáp ứng yêu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thời kỳ ổn định mới và bao gồm toàn bộ tiền lương theo Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25/3/2010 và Nghị định số 29/2010/NĐ-CP ngày 25/3/2010 của Chính phủ (theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng) và bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cho từng lĩnh vực:

a) Định mức phân bổ chi trợ giá, trợ cước:

Định mức phân bổ cho cấp tỉnh theo tiêu chí dân số: 9.000 đồng/người dân/năm.

b) Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

- Cấp tỉnh: Phân bổ bằng 15% chi thường xuyên dựa trên tổng các lĩnh vực chi tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, Khoản 2, Điều này.

Định mức trên chưa bao gồm nguồn thủy lợi phí do trung ương hỗ trợ và các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao.

Đối với cán bộ khuyến nông, khuyến ngư cơ sở, mức phân bổ: 44 triệu đồng/biên chế/năm.

- Cấp huyện: Phân bổ bằng 6% chi thường xuyên dựa trên tổng các lĩnh vực chi tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, Khoản 2, Điều này.

Riêng thành phố Cà Mau là đô thị loại 2 được phân bổ thêm 15 tỷ đồng/năm theo Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cấp xã: Phân bổ bằng 4% chi thường xuyên dựa trên tổng các lĩnh vực chi tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, khoản 2, Điều này.

c) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí học sinh.

Các cấp học	Định mức (đồng/học sinh/năm)		
	Đô thị (định mức chuẩn)	Nông thôn (bằng 130% định mức chuẩn)	Xã 135 (bằng 145% định mức chuẩn)
- Trung học phổ thông	3.400.000	4.420.000	4.930.000
- Trung học cơ sở	3.000.000	3.900.000	4.350.000
- Tiểu học	2.450.000	3.185.000	3.552.000
- Mẫu giáo	3.000.000	3.900.000	4.350.000
- Nhà trẻ	3.900.000	5.070.000	5.655.000
Đối với Trường bán công được phân bổ kinh phí bằng 60% so với định mức chuẩn, theo từng cấp học tương ứng.			

- Ngoài định mức nêu trên, bố trí cho sự nghiệp giáo dục của cấp tỉnh 15% và cấp huyện 10% để tạo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây:

+ Phân bổ phần chi tăng thêm so với định mức chuẩn cho các trường chuyên, trường dân tộc nội trú, trường nuôi dạy trẻ khuyết tật, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên theo quy định của cấp có thẩm quyền;

+ Bổ sung kinh phí hoạt động tối thiểu bằng 20% tổng kinh phí khi thực hiện đúng theo lớp chuẩn, hệ số giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà quỹ lương và các khoản có tính chất như lương vượt quá 80% tổng kinh phí theo định mức nêu trên;

+ Chi lương và các khoản có tính chất như lương đối với giáo viên dôi dư;

+ Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho học sinh theo quy định và một số phát sinh khác của sự nghiệp giáo dục.

(Định mức trên chưa tính nguồn thu học phí của ngành giáo dục).

d) Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề bao gồm: các loại hình đào tạo, dạy nghề, giáo dục cộng đồng, trường chính trị tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và dạy nghề khác.

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh theo tiêu chí dân số: 78.000 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	2.000.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	1.800.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	1.600.000.000 đồng/ huyện/ năm
Giáo dục cộng đồng tại xã	30.000.000 đồng/ xã/ năm

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Loại xã	Định mức
Loại 1	100.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 2	90.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 3	80.000.000 đồng/ xã/ năm

(Định mức phân bổ trên chưa tính nguồn thu học phí đào tạo).

d) Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

Nội dung phân bổ	Định mức
- Phòng bệnh:	
+ Cấp tỉnh	13.000 đồng/người dân/năm
+ Cấp huyện	15.000 đồng/người dân/năm

- Khám, chữa bệnh:	
+ Bệnh viện tuyến tỉnh quản lý	50.000.000 đồng/giường/ năm
+ Bệnh viện điều dưỡng, phục hồi chức năng và Bệnh viện tuyến huyện	45.000.000 đồng/giường/năm
+ Phòng khám đa khoa khu vực	30.000.000 đồng/giường/năm
- Sự nghiệp y tế khác:	
+ Cấp tỉnh	6.300 đồng/người dân/năm
+ Cấp huyện:	
Huyện loại 1	550.000.000 đồng/ huyện/ năm
Huyện loại 2	500.000.000 đồng/ huyện/ năm
Huyện loại 3	450.000.000 đồng/ huyện/ năm
- Sự nghiệp dân số KHHGD	3.500 đồng/người dân/năm
- Y tế xã	26.000 đồng/người dân/năm

Định mức khám, chữa bệnh không bao gồm kinh phí mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, cựu chiến binh theo quy định hiện hành.

Định mức phân bổ cho y tế xã nêu trên bao gồm khoản chi phụ cấp cho 2 cán bộ Y tế ấp, khóm và phụ cấp ưu đãi cho cán bộ y tế xã theo Thông tư liên bộ số: 02/2006/TTLT-BYT-BTC-BNV ngày 23/01/2006 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

(Định mức phân bổ trên chưa tính nguồn thu viện phí, dịch vụ).

e) Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học - công nghệ:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh theo tiêu chí dân số: 9.500 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	500.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	470.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	440.000.000 đồng/ huyện/ năm

g) Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 15.000 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	1.200.000.000 đồng/ huyện/năm
Loại 2	1.100.000.000 đồng/ huyện/năm
Loại 3	1.000.000.000 đồng/ huyện/năm

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Loại xã	Định mức
Loại 1	22.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 2	20.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 3	18.000.000 đồng/ xã/ năm

h) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 8.500 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	850.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	800.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	750.000.000 đồng/ huyện/ năm

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Loại xã	Định mức
Loại 1	20.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 2	18.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 3	16.000.000 đồng/ xã/ năm

+ Xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 02/2002/TTLT/BTC-MTTW ngày 10/01/2002 của Liên Bộ Tài chính – Ban Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: mức phân bổ: 4 triệu đồng/ấp, xóm/năm;

+ Xã khó khăn, mức phân bổ: 6 triệu đồng/xã/năm, (xã khó khăn được xác định theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ).

i) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 5.000 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	550.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	500.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	450.000.000 đồng/ huyện/ năm

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Loại xã	Định mức
Loại 1	16.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 2	14.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 3	12.000.000 đồng/ xã/ năm

k) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 3.400 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	600.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	550.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	500.000.000 đồng/ huyện/ năm

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Loại xã	Định mức
Loại 1	25.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 2	24.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 3	23.000.000 đồng/ xã/ năm

(Định mức trên chưa tính nguồn thu từ quảng cáo phát thanh và truyền hình).

l) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 20.000 đồng/ người/năm.

Ngoài ra, các đối tượng được hưởng theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về Chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và mai táng phí Cựu chiến binh, ngân sách tỉnh sẽ chi theo thực tế.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	600.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	550.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	500.000.000 đồng/ huyện/ năm

Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cho cấp huyện để thực hiện các khoản chi chính sách xã hội do cấp huyện quản lý, trong đó có mai táng phí cho những đối tượng chính sách khi từ trần, chi cho cán bộ xã nghỉ hưu, BHYT cho người cao tuổi, cứu trợ thiên tai, hoả hoạn...

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Loại xã	Định mức
Loại 1	65.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 2	60.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 3	55.000.000 đồng/ xã/ năm

m) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

Định mức chi quản lý hành chính đã bao gồm tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản trích nộp theo lương tại Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25/3/2010 và Nghị định số 29/2010/NĐ-CP ngày 25/3/2010 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương; chi hoạt động, tăng lương định kỳ và các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên...

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo biên chế được giao:

Biên chế	Định mức	Số tăng thêm
15 biên chế trở xuống	66.000.000 đồng/BC/năm	Từ biên chế thứ 16 đến 24 mỗi biên chế được phân bổ 61 triệu đồng/năm
25 biên chế	64.000.000 đồng/BC/năm	Từ biên chế thứ 26 đến 49 mỗi biên chế được phân bổ 60 triệu đồng/năm
50 biên chế	62.000.000 đồng/BC/năm	Từ biên chế thứ 51 đến 74 mỗi biên chế được phân bổ 56 triệu đồng/năm
75 biên chế	60.000.000 đồng/BC/năm	Biên chế thứ 76 trở lên mỗi biên chế được phân bổ 52 triệu đồng/năm

+ Các cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh được đảm bảo kinh phí hoạt động trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và kinh phí phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc thù của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Ngoài ra ngân sách cấp tỉnh được phân bổ thêm 10% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp tỉnh theo định mức để thực hiện các nhiệm vụ chi:

Chi mua sắm tài sản cố định, sửa chữa lớn, nâng cấp cơ sở vật chất... theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

Chi bổ sung đủ 30% kinh phí hoạt động trong trường hợp đã phân bổ theo định mức nêu trên mà kinh phí hoạt động nhỏ hơn 30%, bảo đảm tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 70%;

Hỗ trợ kinh phí: Hội Văn học nghệ thuật, Hội Nhà báo, Hội Đông y, Hội Chữ thập đỏ, Liên Minh hợp tác xã, Liên hiệp Hội khoa học kỹ thuật, mức hỗ trợ tương đương với định mức chi quản lý hành chính;

Riêng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương để quyết định cụ thể mức hỗ trợ hàng năm.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp mới thành lập chưa tự cân đối kinh phí hoạt động thì được vận dụng định mức trên để hỗ trợ chi hoạt động.

- Định mức phân bổ tạo nguồn chi quản lý hành chính cho ngân sách cấp huyện:

+ Thành phố Cà Mau được tính 53.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Các huyện được tính 57.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Ngoài ra ngân sách các huyện, thành phố được phân bổ thêm 10% trên tổng kinh phí quản lý hành chính cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ:

Chi mua sắm tài sản, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động..

Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Chi bổ sung đủ 30% kinh phí hoạt động trong trường hợp đã phân bổ theo định mức nêu trên mà kinh phí hoạt động nhỏ hơn 30%, bảo đảm tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 70%;

+ Chi theo nhiệm vụ chi của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Riêng đối với huyện Ngọc Hiển, do đặc điểm về địa lý và điều kiện giao thông còn khó khăn, tùy theo khả năng của ngân sách tỉnh, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí.

- Định mức phân bổ tạo nguồn chi quản lý hành chính cho ngân sách cấp xã:

+ Xã, phường trên địa bàn thành phố Cà Mau:

Công chức xã: 44.000.000 đồng/biên chế/năm.

Cán bộ chuyên trách: 38.000.000 đồng/biên chế/năm.

Cán bộ không chuyên trách: 28.000.000 đồng/định suất/năm.

+ Xã, thị trấn trên địa bàn huyện:

Công chức xã: 44.000.000 đồng/biên chế/năm.

Cán bộ chuyên trách: 40.000.000 đồng/biên chế/năm.

Cán bộ không chuyên trách: 32.000.000 đồng/định suất/năm.

Định mức này đã bao gồm kinh phí của các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp ở cấp xã và kinh phí hoạt động thanh tra nhân dân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo Thông tư liên tịch số: 40/TTLT-BTC-BTT-UBTWMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12/5/2006 của Bộ Tài chính, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương UBMTTQ Việt Nam và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam;

+ Các xã, thị trấn ven biển được phân bổ thêm 70.000.000 đồng/xã, thị trấn/năm.

+ Đối với ấp, khóm:

Khoản kinh phí hoạt động: 1.000.000 đồng/ấp, khóm/tháng.

Mức phụ cấp cho cán bộ ấp, khóm được thực hiện theo Nghị quyết số 117/2007/NQ-HĐND ngày 07/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

n) Định mức phân bổ chi quốc phòng:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	750.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	675.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	600.000.000 đồng/ huyện/ năm

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo dân số, trong đó bao gồm hoạt động của xã đội, tuyển quân, huấn luyện dân quân tự vệ và phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị của cán bộ dân quân tự vệ theo phân cấp:

+ Xã có dân số dưới 10.000 người: 8.000 đồng/người dân/năm.

+ Xã có dân số từ 10.000 người đến dưới 16.000 người: 6.500 đồng/người dân/năm.

+ Xã có dân số từ 16.000 người trở lên: 5.000 đồng/người dân/năm.

(Định mức trên chưa kể quỹ an ninh, quốc phòng).

o) Định mức phân bổ chi an ninh:

- Định mức phân bổ cho cấp tỉnh, theo tiêu chí dân số: 3.300 đồng/người/năm.

- Định mức phân bổ cho cấp huyện, theo loại huyện:

Loại huyện	Định mức
Loại 1	500.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 2	450.000.000 đồng/ huyện/ năm
Loại 3	400.000.000 đồng/ huyện/ năm

- Định mức phân bổ cho cấp xã, theo loại xã:

Loại xã	Định mức
Loại 1	40.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 2	35.000.000 đồng/ xã/ năm
Loại 3	30.000.000 đồng/ xã/ năm

(Định mức trên chưa kể quỹ an ninh, quốc phòng).

p) Định mức phân bổ chi khác ngân sách:

Chi khác ngân sách được phân bổ bằng 1% chi thường xuyên cho 3 cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã).

q) Định mức phân bổ dự phòng ngân sách:

Định mức phân bổ dự phòng bằng 3% tổng chi ngân sách cho 3 cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã).

3. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ chi ngân sách địa phương:

- Dân số căn cứ vào niên giám thống kê năm 2009 và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên để tính năm 2011:

+ Dân số đô thị là dân số của các phường và thị trấn.

+ Dân số xã 135 là các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 30/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (nay được thay thế bằng Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg, ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Dân số vùng nông thôn là dân số của các xã còn lại.

- Biên chế theo số lượng được HĐND và UBND tỉnh quyết định năm 2010 (bao gồm cả hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ).

- Học sinh theo số liệu thực tế năm học 2010 - 2011.

- Giường bệnh theo số liệu thực tế năm 2010 và kế hoạch năm 2011.

- Phân loại huyện, thành phố (gọi tắt là huyện) chia thành 3 loại, căn cứ vào dân số:

+ Huyện loại 1 có dân số từ 170.000 người trở lên;

+ Huyện loại 2 có dân số từ 120.000 người đến dưới 170.000 người;

+ Huyện loại 3 có dân số dưới 120.000 người;

- Phân loại xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã) theo Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 21/4/2010, Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 21/4/2010, Quyết định

số 624/QĐ-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

4. Thời gian áp dụng định mức phân bổ ngân sách:

- Định mức phân bổ dự toán ngân sách chi thường xuyên cho các cấp chính quyền địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2011 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Trong trường hợp có sự biến động lớn ảnh hưởng đến cân đối ngân sách thì UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh định mức cho phù hợp.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 65/2006/NQ-HĐND ngày 28/7/2007 của HĐND tỉnh Cà Mau về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau thời kỳ ổn định 2007 – 2010 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Cà Mau khóa VII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2010./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, tp;
- Website Cà Mau;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Hồng My